

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KHO VẬN TÂN CẢNG**

MỤC LỤC

| | Trang |
|--|----------------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Giám đốc | 2 - 3 |
| 3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ | 4 |
| 4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 | 5 - 8 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 9 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 10 - 11 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 12 - 37 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0309532497, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh 07 lần cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do thay đổi địa chỉ, bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ, trong đó lần thứ 07 vào ngày 01 tháng 3 năm 2021 do thay đổi địa chỉ Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty: 199.910.200.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028 37 423 929
- Fax : 028 37 423 029
- E-mail : khovantancang@saigonnewport.com.vn

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan, đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|---------------------|----------|---------------------------------------|
| Ông Ngô Văn Ngự | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Trịnh Văn Mọi | Ủy viên | Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Trần Quang Thảo | Ủy viên | Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Đoàn Phi | Ủy viên | Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Đỗ Xuân Minh | Ủy viên | Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020 |

Ban Kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|------------------------|------------|--------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Thúy Nga | Trưởng ban | Ngày 17 tháng 6 năm 2021 |
| Ông Nguyễn Hồng Sơn | Thành viên | Ngày 26 tháng 6 năm 2020 |
| Bà Nguyễn Thị Thu Hà | Thành viên | Ngày 17 tháng 6 năm 2021 |

Ban điều hành, quản lý

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|-------------------------|----------------|---------------------------------------|
| Ông Trần Quang Thảo | Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2023 |
| Ông Đoàn Phi | Phó Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2023 |
| Ông Bùi Văn Bằng | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2021 |
| Bà Nguyễn Thị Hồng Liên | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 04 tháng 9 năm 2018 |

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Quang Thảo (tái bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2023).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc,

Giám đốc



Trần Quang Thảo

Ngày 8 tháng 8 năm 2023

Số: 2.0498/23/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 8 tháng 8 năm 2023, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2897-2020-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 8 tháng 8 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 342.424.136.185 | 345.990.329.958 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 75.152.592.178 | 108.028.733.588 |
| 1. Tiền | 111 | | 30.152.592.178 | 32.028.733.588 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 45.000.000.000 | 76.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 104.000.000.000 | 121.700.000.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2a | 104.000.000.000 | 121.700.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 151.372.683.115 | 102.170.953.894 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 137.522.445.468 | 85.550.148.721 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 6.899.942.056 | 12.580.180.279 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5a | 9.570.411.512 | 6.677.389.315 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (2.620.115.921) | (2.636.764.421) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 4.389.406.102 | 4.543.353.759 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 4.389.406.102 | 4.543.353.759 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 7.509.454.790 | 9.547.288.717 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8a | 7.509.454.790 | 9.547.288.717 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 186.900.749.291 | 166.142.434.841 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 15.000.000.000 | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5b | 15.000.000.000 | - |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 118.354.372.746 | 122.016.773.364 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 109.962.145.767 | 113.867.299.754 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 537.072.662.040 | 528.228.712.640 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (427.110.516.273) | (414.361.412.886) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.10 | 8.392.226.979 | 8.149.473.610 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 19.438.661.733 | 17.569.099.958 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (11.046.434.754) | (9.419.626.348) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | V.11 | 505.534.996 | 712.237.403 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 505.534.996 | 712.237.403 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.2b | 30.222.710.423 | 30.983.913.096 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | 28.100.000.000 | 28.100.000.000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 3.600.000.000 | 3.600.000.000 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (1.477.289.577) | (716.086.904) |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 22.818.131.126 | 12.429.510.978 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8b | 14.904.653.639 | 11.407.662.104 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | V.12 | 7.913.477.487 | 1.021.848.874 |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 529.324.885.476 | 512.132.764.799 |

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 230.102.762.849 | 201.985.676.653 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 220.312.819.989 | 179.209.146.201 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.13 | 61.164.143.694 | 74.107.652.264 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 20.906.447 | 54.027.000 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.14 | 16.440.768.397 | 5.022.198.574 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 48.959.015.704 | 42.178.895.121 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.15 | 39.934.052.316 | 5.250.244.369 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.16a | 7.451.236.472 | 7.851.212.261 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.17a | 1.870.262.856 | 4.880.554.090 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.18 | 44.472.434.103 | 39.864.362.522 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 9.789.942.860 | 22.776.530.452 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.16b | 3.000.000.000 | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.17b | 6.789.942.860 | 22.776.530.452 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 299.222.122.627 | 310.147.088.146 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.19 | 299.222.122.627 | 310.147.088.146 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 199.910.200.000 | 199.910.200.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 199.910.200.000 | 199.910.200.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 71.049.642.295 | 66.195.499.576 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 28.262.280.332 | 44.041.388.570 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | - | 44.041.388.570 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 28.262.280.332 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 529.324.885.476 | 512.132.764.799 |

Lập, ngày 8 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Liên

Giám đốc



Trần Quang Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 371.336.850.907 | 362.103.915.788 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 371.336.850.907 | 362.103.915.788 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 284.075.040.092 | 280.089.762.840 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 87.261.810.815 | 82.014.152.948 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 11.333.191.007 | 8.165.003.042 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 1.763.537.987 | 1.756.371.879 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 950.086.773 | 1.749.972.899 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | 11.336.798.186 | 6.121.221.657 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.6 | 24.790.819.509 | 26.030.388.416 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 60.703.846.140 | 56.271.174.038 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 402.372.587 | 347.424.413 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.8 | 1.165.043.291 | 733.424.025 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (762.670.704) | (385.999.612) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 59.941.175.436 | 55.885.174.426 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.14 | 18.291.376.862 | 12.672.178.992 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | VI.9 | (6.891.628.613) | (2.171.206.775) |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>48.541.427.187</u> | <u>45.384.202.209</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10 | - | - |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.10 | - | - |

Người lập biểu

Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Liên

Lập, ngày 8 tháng 8 năm 2023

Giám đốc



Trần Quang Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| CHỈ TIÊU | Mã | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 59.941.175.436 | 55.885.174.426 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | VI.11 | 14.375.911.793 | 14.712.310.332 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | 744.554.173 | 20.604.000 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | VI.4 | (15.710.979) | (35.522.375) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (11.193.681.335) | (7.931.136.895) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.4 | 950.086.773 | 1.749.972.899 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 64.802.335.861 | 64.401.402.387 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (61.207.748.590) | (20.423.819.285) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 153.947.657 | 812.715.159 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 26.069.315.085 | (10.175.477.099) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (1.459.157.608) | 3.319.229.436 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (886.641.894) | (1.567.949.885) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.14 | (7.858.125.309) | (9.776.436.798) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | V.18 | 15.000.000 | 14.000.000 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.18 | (10.893.077.125) | (18.741.755.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 8.735.848.077 | 7.861.908.915 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (5.840.010.895) | (7.490.361.856) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (84.000.000.000) | (26.000.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 101.700.000.000 | 17.000.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 8.816.944.349 | 7.983.161.551 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 20.676.933.454 | (8.507.200.305) |

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|----------------------|-----------------------------------|-------------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 V.17 | - | 7.400.000.000 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 V.17 | (18.996.878.826) | (16.264.470.155) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính | 35 | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (43.304.999.700) | (31.719.533.800) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (62.301.878.526) | (40.584.003.955) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | (32.889.096.995) | (41.229.295.345) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 V.1 | 108.028.733.588 | 102.801.512.489 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | 12.955.585 | 50.434.419 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 V.1 | 75.152.592.178 | 61.622.651.563 |

Người lập biểu

Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Liên

Lập, ngày 8 tháng 8 năm 2023

Giám đốc



Trần Quang Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan, đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|-----------------------------------|--|---|---------------|---------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái | Cảng Tân Cảng - Cát Lái, số 1295A, đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh | Vận tải hàng hóa; cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa; dịch vụ đóng gói. | 57,50% | 57,50% | 57,50% |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực | Số 938A13 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh | Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa. | 51,00% | 51,00% | 51,00% |

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Tân Cảng Express có trụ sở chính tại 9B Tú Xương, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 36,00%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 452 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 447 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 6 - 12 |
| Máy móc và thiết bị | 3 - 10 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 - 10 |

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|-----------------------------|---------------|
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 - 05 |
| Tài sản cố định khác | 3 - 10 |

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-----------------------|------------------------|
| Tiền mặt | 636.014.007 | 932.510.205 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 29.516.578.171 | 31.096.223.383 |
| Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) | 45.000.000.000 | 76.000.000.000 |
| Cộng | 75.152.592.178 | 108.028.733.588 |

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 06 tháng lãi suất từ 7,3% – 9,5%/năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

2b. Đầu tư vào Công ty con

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|---------------------------------------|----------|-------------------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Đầu tư vào công ty con | 28.100.000.000 | - | 28.100.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái ⁽ⁱ⁾ | 23.000.000.000 | - | 23.000.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực ⁽ⁱⁱ⁾ | 5.100.000.000 | - | 5.100.000.000 | - |
| Đầu tư vào công ty liên kết | 3.600.000.000 (1.477.289.577) | | 3.600.000.000 (716.086.904) | |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Express ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 3.600.000.000 (1.477.289.577) | | 3.600.000.000 (716.086.904) | |
| Cộng | 31.700.000.000 (1.477.289.577) | | 31.700.000.000 (716.086.904) | |

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0310151760 ngày 13 tháng 07 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 07 tháng 8 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái có vốn điều lệ là 40.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái 23.000.000.000 VND, sở hữu 2.300.000 cổ phần tương đương 57,50% vốn điều lệ (không thay đổi so với số đầu năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310959597 ngày 30 tháng 6 năm 2011 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 21 tháng 11 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực có vốn điều lệ là 10.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực 5.100.000.000 VND, sở hữu 510.000 cổ phần tương đương 51% vốn điều lệ (không thay đổi so với đầu năm).
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316787129 ngày 02 tháng 04 năm 2021 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 01 ngày 21 tháng 05 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty Cổ phần Tân Cảng Express có vốn điều lệ là 50.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Express 3.600.000.000 VND, sở hữu 360.000 cổ phần tương đương 36% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư là 14.400.000.000 VND.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên kết

Công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty con, công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty con như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái | | |
| Cung cấp dịch vụ cho Công ty con | 6.670.938.052 | 8.494.140.091 |
| Sử dụng dịch vụ của Công ty con | 39.088.334.977 | 45.426.435.449 |
| Cổ tức nhận được từ Công ty con | 4.140.000.000 | 3.450.000.000 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực | | |
| Cung cấp dịch vụ cho Công ty con | 4.235.636.813 | 4.125.051.049 |
| Sử dụng dịch vụ của Công ty con | 2.428.204.000 | 5.607.287.308 |
| Mua dầu tại Công ty con | 2.118.312.300 | 2.672.970.179 |
| Cổ tức nhận được từ Công ty con | 1.530.000.000 | 1.275.000.000 |

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------------------|-----------------------|
| Phải thu các bên liên quan | 103.571.460.422 | 53.796.941.219 |
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | 89.864.441.963 | 35.460.191.821 |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái | 7.531.091.861 | 11.762.460.830 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực | 4.514.503.413 | 3.501.368.868 |
| Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình | 3.400.000 | 34.190.000 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng | 234.810.000 | 491.132.000 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu | 46.702.425 | 136.012.500 |
| Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng | 81.129.400 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng | 4.346.160 | - |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái | 1.291.035.200 | 2.411.585.200 |
| Phải thu các khách hàng khác | 33.950.985.046 | 31.753.207.502 |
| Cộng | 137.522.445.468 | 85.550.148.721 |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|----------------------|-----------------------|
| Trả trước cho bên liên quan | 3.215.319.057 | 1.755.539.280 |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng | 2.770.906.270 | 1.755.539.280 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng | 410.037.787 | - |
| Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC | 34.375.000 | - |
| Trả trước cho người bán khác | 3.684.622.999 | 10.824.640.999 |
| Công ty TNHH Hiệp Lực | 3.377.627.999 | 6.755.255.999 |
| Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp nặng Mico | - | 2.068.000.000 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu thép Á Long | - | 1.524.400.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 306.995.000 | 476.985.000 |
| Cộng | 6.899.942.056 | 12.580.180.279 |

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu các bên liên quan | 3.812.997.385 | - | 1.539.094.885 | - |
| Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn – thu chi hệ nâng hạ | 1.812.997.385 | - | 1.539.094.885 | - |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái - Cổ tức | 2.000.000.000 | - | - | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 5.757.414.127 | - | 5.138.294.430 | - |
| Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn | 2.445.797.262 | - | 2.069.060.276 | - |
| Tạm ứng | 1.850.914.795 | - | 1.296.127.516 | - |
| Các khoản chi hộ | 1.449.945.900 | - | 1.685.930.534 | - |
| Các khoản phải thu khác | 10.756.170 | - | 87.176.104 | - |
| Cộng | 9.570.411.512 | - | 6.677.389.315 | - |

5b. Phải thu dài hạn khác

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|----------------|----------|------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Công ty TNHH Hiệp Lực (xem thuyết minh VII.2) | 15.000.000.000 | - | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

Là các khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi của khách hàng.

| | Thời gian quá hạn | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|-------------------------|----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| | | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hải Lưu | Trên 3 năm | 441.997.000 | (441.997.000) | 441.997.000 | (441.997.000) |
| Công ty TNHH Innopack Việt Nam | Trên 3 năm | 1.565.679.417 | (1.565.679.417) | 1.565.679.417 | (1.565.679.417) |
| Công ty TNHH TMDV Giao nhận Vận tải Haco | Trên 3 năm | 72.873.000 | (72.873.000) | 125.997.000 | (125.997.000) |
| Công ty Cổ phần Thương mại MDK | Trên 3 năm | 188.456.000 | (188.456.000) | - | - |
| Công ty Cổ phần Thương mại MDK | Từ 2 năm đến dưới 3 năm | 6.805.000 | (4.763.500) | 223.920.000 | (156.744.000) |
| Các khách hàng khác | Trên 3 năm | 346.347.004 | (346.347.004) | 346.347.004 | (346.347.004) |
| Cộng | | 2.622.157.421 | (2.620.115.921) | 2.703.940.421 | (2.636.764.421) |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 2.636.764.421 | 2.806.365.421 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 36.475.500 | 40.848.000 |
| Hoàn nhập dự phòng | (53.124.000) | (20.244.000) |
| Số cuối kỳ | 2.620.115.921 | 2.826.969.421 |

7. Hàng tồn kho

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-----------------------|----------------------|----------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | 4.181.095.655 | 4.327.493.050 |
| Công cụ, dụng cụ | 208.310.447 | 215.860.709 |
| Cộng | 4.389.406.102 | 4.543.353.759 |

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí công cụ dụng cụ | 1.039.533.033 | 1.602.368.038 |
| Chi phí bảo hiểm | 3.106.968.221 | 4.090.882.262 |
| Chi phí sửa chữa | 2.482.353.358 | 3.559.816.101 |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 880.600.178 | 294.222.316 |
| Cộng | 7.509.454.790 | 9.547.288.717 |

8b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 759.615.961 | 690.172.372 |
| Chi phí sửa chữa | 9.749.652.951 | 7.570.695.677 |
| Chi phí khác | 4.395.384.727 | 3.146.794.055 |
| Cộng | 14.904.653.639 | 11.407.662.104 |

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|---------------------|---------------------------------|---------------------------|----------------------|-----------------|
| Nguyên giá | 171.661.202.312 | 183.953.514.412 | 109.329.138.257 | 4.794.825.743 | 58.490.031.916 | 528.228.712.640 |
| Số đầu năm | - | 5.711.290.000 | - | 3.132.659.400 | - | 8.843.949.400 |
| Mua trong kỳ | 171.661.202.312 | 189.664.804.412 | 109.329.138.257 | 7.927.485.143 | 58.490.031.916 | 537.072.662.040 |
| Số cuối kỳ | | | | | | |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 48.052.871.723 | 152.088.706.875 | 103.319.370.077 | 4.617.935.743 | 38.950.853.540 | 347.029.737.958 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số đầu năm | 90.153.067.959 | 162.274.731.771 | 107.290.678.198 | 4.724.955.737 | 49.917.979.221 | 414.361.412.886 |
| Khấu hao trong kỳ | 4.231.634.784 | 5.688.854.016 | 1.118.737.582 | 29.275.003 | 1.680.602.002 | 12.749.103.387 |
| Số cuối kỳ | 94.384.702.743 | 167.963.585.787 | 108.409.415.780 | 4.754.230.740 | 51.598.581.223 | 427.110.516.273 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 81.508.134.353 | 21.678.782.641 | 2.038.460.059 | 69.870.006 | 8.572.052.695 | 113.867.299.754 |
| Số cuối kỳ | 77.276.499.569 | 21.701.218.625 | 919.722.477 | 3.173.254.403 | 6.891.450.693 | 109.962.145.767 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - | - |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 29.929.249.546 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm và Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | <i>43.910.239.283</i> | <i>46.565.923.885</i> |
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | 2.431.831.154 | 1.008.978.894 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực | 844.075.250 | 1.559.078.440 |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái | 25.741.379.265 | 30.375.773.343 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng | 4.149.158.559 | 6.357.138.187 |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng | 8.282.416.848 | 3.795.342.478 |
| Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC | - | 316.850.000 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng | - | 30.299.400 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng | 355.534.740 | 539.672.598 |
| Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng | 757.237.976 | 1.224.152.321 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu | 85.343.500 | 299.763.720 |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước | - | 49.137.840 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Thạnh Phước | 459.107.000 | - |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng | 450.079.885 | 582.089.452 |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái | 19.452.000 | 19.452.000 |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng- Vũng Tàu | 55.550.000 | - |
| Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái | 279.073.106 | 408.195.212 |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | <i>17.253.904.411</i> | <i>27.541.728.379</i> |
| Cộng | <u>61.164.143.694</u> | <u>74.107.652.264</u> |

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số phải nộp trong kỳ</u> | <u>Số đã thực nộp trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|--|-----------------------------|------------------------------|--------------------------------|------------------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 1.298.695.070 | 18.828.182.314 | (16.809.659.476) | 3.317.217.908 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.463.880.384 | 18.291.376.862 | (7.858.125.309) | 12.897.131.937 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 1.259.623.120 | 4.471.490.014 | (5.504.694.582) | 226.418.552 |
| Thuế môn bài | - | 3.000.000 | (3.000.000) | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 29.154.185 | (29.154.185) | - |
| Cộng | <u>5.022.198.574</u> | <u>41.623.203.375</u> | <u>(30.204.633.552)</u> | <u>16.440.768.397</u> |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái | 3.162.726.795 | 938.080.782 |
| - Chi phí vận chuyển, nâng hạ | | |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng | 93.312.972 | 18.399.274 |
| - Chi phí xăng dầu | | |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung- Chi phí vận chuyển, nâng hạ | 1.660.000 | - |
| Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng | 9.800.000 | 1.676.000 |
| - Chi phí nâng hạ | | |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Phú Hữu - Chi phí vận chuyển, nâng hạ | 73.086.000 | - |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng- Chi phí sửa chữa, vệ sinh cont | 387.249.743 | - |
| Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng - Chi phí vận chuyển, nâng hạ | 115.977.700 | - |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước - Chi phí vận chuyển, nâng hạ | 8.957.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng - Chi phí vận chuyển, nâng hạ | 277.115.932 | - |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Vũng Tàu - Chi phí vận chuyển cont | 12.100.000 | - |
| Phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 11.974.708.905 | 3.566.741.045 |
| Trích trước chi phí lãi vay | 63.444.879 | - |
| Chi phí bốc xếp, nâng hạ, vận chuyển | 9.094.546.222 | 2.633.599.190 |
| Chi phí hoa hồng | 1.993.884.584 | 273.015.792 |
| Chi phí cho người lao động | 546.715.050 | 540.231.514 |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 276.118.170 | 119.894.549 |
| Cộng | 39.934.052.316 | 5.250.244.369 |

16. Phải trả khác

16a. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|----------------------|----------------------|
| Phải trả các đơn vị và cá nhân khác | 7.451.236.472 | 7.851.212.261 |
| Kinh phí công đoàn | 692.070.778 | 1.183.273.838 |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | 806.256.541 | 1.588.209.359 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 978.624.108 | 1.039.550.624 |
| Cổ tức phải trả | 3.065.291.050 | 2.390.046.750 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 1.908.993.995 | 1.650.131.690 |
| Cộng | 7.451.236.472 | 7.851.212.261 |

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16b. Phải trả dài hạn khác

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|----------------------|------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | 3.000.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực – Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 3.000.000.000 | - |

17. Vay

17a. Vay ngắn hạn

Là các khoản vay dài hạn đến hạn trả, bao gồm: (Xem thuyết minh V.17b).

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|----------------------|----------------------|
| Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh | 1.057.142.856 | 4.067.434.090 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm | 813.120.000 | 813.120.000 |
| Cộng | 1.870.262.856 | 4.880.554.090 |

Công ty có khả năng trả được khoản vay dài hạn đến hạn trả.

Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn đến hạn trả trong kỳ như sau:

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 4.880.554.090 | 8.077.006.234 |
| Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn | 1.106.067.214 | 4.560.818.651 |
| Số tiền vay đã trả | (4.116.358.448) | (7.757.270.795) |
| Số cuối kỳ | 1.870.262.856 | 4.880.554.090 |

17b. Vay dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|----------------------|-----------------------|
| Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾ | 4.757.142.860 | 20.337.170.452 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾ | 2.032.800.000 | 2.439.360.000 |
| Cộng | 6.789.942.860 | 22.776.530.452 |

(i) Khoản vay dài hạn phải trả Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 27565/20MN/HĐTD ngày 28 tháng 10 năm 2020 để xây dựng kho CFS số 6 tại Cảng Cát Lái. Lãi suất khoản vay năm đầu: 9,3%/năm (cố định). Từ năm thứ 2 trở đi: Lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động KHDN kỳ hạn 12 tháng, lĩnh lãi cuối kỳ của HDBank (loại 1) + biên độ 2,2%/năm, lãi suất cho vay tối thiểu 9%/năm (LS cho vay điều chỉnh 03 tháng/lần). Tài sản đảm bảo bao gồm: Công trình xây dựng trên đất và quyền khai thác CTXD hình thành từ dự án xây dựng kho chứa hàng CFS giai đoạn 2 (Kho 6) của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng và toàn bộ lợi ích phát sinh từ dự án này; Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng số 1989/KHKT-TC ngày 19/11/2010 và các phụ lục kèm theo tương ứng với diện tích cơ sở hạ tầng dùng để đầu tư kho CFS giai đoạn 2 (kho số 6) ký giữa Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng và Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn. Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 01 năm (khoản vay được bắt đầu trả nợ từ năm 2022).

(ii) Khoản vay dài hạn phải trả Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Thủ Thiêm theo hợp đồng tín dụng số 233/VCB.TT/21DH ngày 02 tháng 12 năm 2021 để đầu tư 04 Xe Nâng điện Reach Truck. Lãi suất ưu đãi 24 tháng đầu tiên là 7,6%/năm, sau thời gian ưu đãi là lãi suất cơ sở (bằng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân bằng VND, kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Vietcombank

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

được công bố trên web theo từng thời kỳ) cộng biên độ 2,8%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|----------------------|----------------------|-----------------------|
| Từ 1 năm trở xuống | 1.870.262.856 | 4.880.554.090 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 6.261.371.424 | 18.709.096.360 |
| Trên 5 năm | 528.571.436 | 4.067.434.092 |
| Cộng | 8.660.205.716 | 27.657.084.542 |

Chi tiết phát sinh của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|---------------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 22.776.530.452 | 30.884.825.508 |
| Số tiền vay phát sinh | - | 7.400.000.000 |
| Số tiền vay đã trả trước hạn trong kỳ | (14.880.520.378) | (8.507.199.360) |
| Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn | (1.106.067.214) | (4.560.818.651) |
| Số cuối kỳ | 6.789.942.860 | 25.216.807.497 |

17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Quỹ khen thưởng | Quỹ phúc lợi | Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | Cộng |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 9.352.734.679 | 30.039.127.843 | 472.500.000 | 39.864.362.522 |
| Tăng do trích lập từ lợi nhuận | 7.712.502.068 | 7.773.646.638 | - | 15.486.148.706 |
| Tăng khác | 15.000.000 | - | - | 15.000.000 |
| Chi quỹ trong kỳ | (3.711.000.000) | (6.709.577.125) | (472.500.000) | (10.893.077.125) |
| Số cuối kỳ | 13.369.236.747 | 31.103.197.356 | - | 44.472.434.103 |

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-------------------------------------|---------------------------|-----------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 199.910.200.000 | 58.345.270.229 | 41.311.864.445 | 299.567.334.674 |
| Lợi nhuận trong kỳ | - | - | 45.384.202.209 | 45.384.202.209 |
| Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước | - | - | (39.982.040.000) | (39.982.040.000) |
| Trích các quỹ từ lợi nhuận trong kỳ | - | 4.538.420.221 | (16.238.420.221) | (11.700.000.000) |
| Số dư cuối kỳ trước | 199.910.200.000 | 62.883.690.450 | 30.475.606.433 | 293.269.496.883 |

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|--|---------------------------|-----------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm nay | 199.910.200.000 | 66.195.499.576 | 44.041.388.570 | 310.147.088.146 |
| Lợi nhuận trong kỳ này | - | - | 48.541.427.187 | 48.541.427.187 |
| Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước | - | - | (43.980.244.000) | (43.980.244.000) |
| Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước | - | - | (61.144.570) | (61.144.570) |
| Trích các quỹ từ lợi nhuận kỳ này | - | 4.854.142.719 | (20.279.146.855) | (15.425.004.136) |
| Số dư cuối kỳ này | <u>199.910.200.000</u> | <u>71.049.642.295</u> | <u>28.262.280.332</u> | <u>299.222.122.627</u> |

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | 117.970.500.000 | 117.970.500.000 |
| Các cổ đông khác | 81.939.700.000 | 81.939.700.000 |
| Cộng | <u>199.910.200.000</u> | <u>199.910.200.000</u> |

19c. Cổ phiếu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành | 19.991.020 | 19.991.020 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành | 19.991.020 | 19.991.020 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 19.991.020 | 19.991.020 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 như sau:

| | VND |
|---|------------------|
| Phân phối lợi nhuận năm trước | |
| • Chia cổ tức cho các cổ đông | : 43.980.244.000 |
| • Quỹ khen thưởng, phúc lợi | : 61.144.570 |
| Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế kỳ này | |
| • Trích quỹ đầu tư phát triển | : 4.854.142.719 |
| • Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | : 15.425.004.136 |

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 180.113,98 USD (số đầu năm là 706.126,56 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------|-----------------------------------|-----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 371.336.850.907 | 362.103.915.788 |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con, Công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty còn phát sinh các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|-----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | 184.118.085.573 | 168.595.828.697 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng | 603.327.273 | 740.163.984 |
| Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng | 156.683.000 | - |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái | 81.843.181 | - |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu | 181.144.750 | 231.400.334 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng | 20.193.074 | 20.852.223 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng | 5.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình | 3.090.910 | - |

2. Giá vốn hàng bán

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--------------------------|-----------------------------------|-----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ | 284.075.040.092 | 280.089.762.840 |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 5.523.681.335 | 3.206.136.895 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 5.670.000.000 | 4.725.000.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 123.798.693 | 198.343.772 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 15.710.979 | 35.522.375 |
| Cộng | 11.333.191.007 | 8.165.003.042 |

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|------------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí lãi vay | 950.086.773 | 1.749.972.899 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 52.248.541 | 6.398.980 |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư | 761.202.673 | - |
| Cộng | 1.763.537.987 | 1.756.371.879 |

5. Chi phí bán hàng

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-------------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi hoa hồng dịch vụ | 7.990.207.325 | 4.429.686.212 |
| Chi hội thảo, quảng cáo, tiếp khách | 3.346.590.861 | 1.691.535.445 |
| Cộng | 11.336.798.186 | 6.121.221.657 |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 6.474.367.800 | 6.818.689.122 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 568.758.904 | 616.207.600 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 423.134.724 | 700.788.285 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 392.027.806 | 386.781.138 |
| Thuế, phí và lệ phí | 75.413.757 | 28.974.867 |
| Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi | (16.648.500) | 20.604.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.937.122.889 | 2.218.865.073 |
| Các chi phí khác | 14.936.642.129 | 15.239.478.331 |
| Cộng | 24.790.819.509 | 26.030.388.416 |

7. Thu nhập khác

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--------------------------------------|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thu tiền phạt nhiên liệu đội cơ giới | 172.039.452 | 139.803.761 |
| Tiền bồi thường | 229.812.850 | 162.960.203 |
| Các khoản thu nhập khác | 520.285 | 44.660.449 |
| Cộng | 402.372.587 | 347.424.413 |

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí khác

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--------------------------------------|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thuế bị phạt, bị truy thu | 191.802.837 | 452.285.154 |
| Chi phí phải trả thường nhiên liệu | 172.202.514 | 175.259.056 |
| Chi phí bồi thường tổn thất hàng hóa | - | 105.405.817 |
| Phạt vi phạm hợp đồng | 796.616.296 | - |
| Các khoản chi phí khác | 4.421.644 | 473.998 |
| Cộng | 1.165.043.291 | 733.424.025 |

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế | (7.913.477.487) | (3.236.853.553) |
| Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 1.021.848.874 | 1.065.646.778 |
| Cộng | (6.891.628.613) | (2.171.206.775) |

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 17.350.204.024 | 21.249.872.235 |
| Chi phí nhân công | 97.629.153.845 | 91.484.886.040 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 14.375.911.793 | 14.712.310.332 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 160.899.358.747 | 160.235.394.732 |
| Chi phí khác | 29.948.029.378 | 24.558.909.574 |
| Cộng | 320.202.657.787 | 312.241.372.913 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | Chức vụ | Tiền lương | Thưởng | Thưởng người quản lý | Thù lao | Cộng thu nhập |
|-------------------------|-----------------------------------|----------------------|--------------------|----------------------|--------------------|----------------------|
| Kỳ này | | | | | | |
| Ông Ngô Văn Ngự | Chủ tịch HĐQT | 312.447.227 | 91.639.501 | 79.698.796 | - | 483.785.524 |
| Ông Trần Quang Thảo | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc | 306.750.146 | 93.310.590 | 72.108.434 | 30.000.000 | 502.169.170 |
| Ông Đoàn Phi | Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc | 238.910.241 | 72.679.077 | 60.722.892 | 30.000.000 | 402.312.210 |
| Ông Trịnh Văn Mọi | Thành viên HĐQT | - | - | 56.927.711 | 30.000.000 | 86.927.711 |
| Ông Đỗ Xuân Minh | Thành viên HĐQT | - | - | 56.927.711 | 30.000.000 | 86.927.711 |
| Bà Nguyễn Thị Thúy Nga | Trưởng BKS | - | - | 24.668.675 | 30.000.000 | 54.668.675 |
| Ông Nguyễn Hồng Sơn | Thành viên BKS | - | - | 13.283.133 | 15.000.000 | 28.283.133 |
| Bà Nguyễn Thị Thu Hà | Thành viên BKS | - | - | 13.283.133 | 15.000.000 | 28.283.133 |
| Ông Bùi Văn Bằng | Phó Giám đốc | 243.917.050 | 72.679.077 | 49.337.349 | - | 365.933.476 |
| Bà Nguyễn Thị Hồng Liên | Kế toán trưởng | 157.150.050 | 47.691.755 | 45.542.166 | 15.000.000 | 265.383.971 |
| Cộng | | 1.259.174.714 | 378.000.000 | 472.500.000 | 195.000.000 | 2.304.674.714 |
| Kỳ trước | | | | | | |
| Ông Ngô Văn Ngự | Chủ tịch HĐQT | 308.186.917 | 86.412.957 | 43.180.724 | - | 437.780.598 |
| Ông Trần Quang Thảo | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc | 322.740.961 | 76.611.337 | 39.068.273 | 30.000.000 | 468.420.571 |
| Ông Đoàn Phi | Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc | 247.771.188 | 58.968.422 | 32.899.598 | 30.000.000 | 369.639.208 |
| Ông Trịnh Văn Mọi | Thành viên HĐQT | - | - | 30.843.373 | 30.000.000 | 60.843.373 |
| Ông Đỗ Xuân Minh | Thành viên HĐQT | - | - | 30.843.373 | 30.000.000 | 60.843.373 |
| Bà Nguyễn Thị Thúy Nga | Trưởng BKS | - | - | 13.365.462 | 30.000.000 | 43.365.462 |
| Ông Nguyễn Hồng Sơn | Thành viên BKS | - | - | 7.196.787 | 15.000.000 | 22.196.787 |
| Bà Nguyễn Thị Thu Hà | Thành viên BKS | - | - | 7.196.787 | 15.000.000 | 22.196.787 |
| Ông Bùi Văn Bằng | Phó Giám đốc | 245.139.501 | 36.481.579 | 26.730.924 | - | 308.352.004 |
| Bà Nguyễn Thị Hồng Liên | Kế toán trưởng | 151.179.365 | 46.053.037 | 24.674.699 | 15.000.000 | 236.907.101 |
| Cộng | | 1.275.017.932 | 304.527.332 | 256.000.000 | 195.000.000 | 2.030.545.264 |

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác có phát sinh giao dịch với Công ty trong kỳ gồm

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|---|-----------------------|
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | Công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Express | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép | Công ty cùng Tập đoàn |

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| <u>Bên liên quan khác</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|--|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty TNHH Tiếp vận SITC Tân Cảng | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Thạnh Phước | Công ty cùng Tập đoàn |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con, Công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan khác như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|--|------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | | |
| <i>Công ty mẹ cung cấp dịch vụ</i> | 3.781.781.214 | 4.369.488.475 |
| <i>Công ty mẹ cho thuê cơ sở hạ tầng</i> | 22.071.132.000 | 22.071.132.000 |
| <i>Chia cổ tức cho Công ty mẹ</i> | 25.953.510.000 | 23.594.100.000 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng | | |
| <i>Chi phí mua dầu</i> | 6.726.868.162 | 6.630.467.263 |
| <i>Cung cấp dịch vụ</i> | 4.561.408.957 | 2.907.301.933 |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng | | |
| <i>Cung cấp dịch vụ</i> | 9.964.478.243 | 2.297.760.543 |
| <i>Mua phần mềm</i> | 1.869.561.775 | 764.985.312 |
| Sử dụng dịch vụ của các đơn vị trong cùng Tập đoàn: | | |
| <i>Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng</i> | 62.998.000 | 104.039.793 |
| <i>Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng</i> | 621.563.800 | 627.597.200 |
| <i>Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng</i> | 1.421.252.523 | 1.346.195.704 |
| <i>Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân Lực Tân Cảng - STC</i> | 28.972.727 | 28.009.722 |
| <i>Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu</i> | 616.346.000 | 731.740.000 |
| <i>Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung</i> | 6.440.000 | 17.422.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|---------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Vũng Tàu | 68.100.000 | - |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước | 46.083.000 | 50.723.000 |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương | - | 302.440.068 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng | 1.739.964.652 | 1.488.720.805 |
| Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái | 87.889.661 | 99.272.750 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Thạnh Phước | 417.370.000 | - |

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.13 và V.15, V.16.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Cam kết thuê tài sản dài hạn

Theo Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thuê quyền sử dụng đất ngày 30 tháng 3 năm 2023 của hợp đồng thuê quyền sử dụng đất số 759/KVTC-HL ngày 19, 20 tháng 12 năm 2019, Công ty thuê đất của Công ty TNHH Hiệp Lực tại xã Thạnh Mỹ Lợi, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh để kinh doanh kho bãi container. Thời hạn thuê 10 năm kể từ ngày 01/01/2020 đến ngày 01/01/2030. Hợp đồng không hủy ngang. Trong 04 năm đầu, đơn giá thuê là 562.938.000 VND/tháng (bao gồm cả VAT). Đơn giá thuê 03 năm tiếp theo đơn giá thuê là 619.231.800 VND/tháng. Trong 3 năm cuối, đơn giá sẽ được điều chỉnh theo sự thống nhất của hai bên, tuy nhiên đơn giá điều chỉnh không được vượt quá 10% so với đơn giá đã ký ở Giai đoạn 2. Chuyển đổi tiền trả trước cho Công ty TNHH Hiệp Lực thành tiền đặt cọc, số tiền 15.000.000.000 VND. (Xem thuyết minh V.5b).

3. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ xếp dỡ bốc xếp, thực hiện trên địa bàn khu vực Cảng Cát Lái, trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý địa lý.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập, ngày 8 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Cẩm Trang

Nguyễn Thị Hồng Liên

Trần Quang Thảo